

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Nguyễn Văn Sum

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc G; địa chỉ cư trú: ấp P, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Tố Trinh là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, được gia đình hai bên tổ chức lễ thành hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện chửi mắng chị, từ đó vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên chị đã về nhà cha mẹ ruột chị sống khoảng hơn 01 năm nay.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 14/10/2014 và cháu Nguyễn Hữu D – sinh ngày 23/6/2016, hiện tại chị đang nuôi dạy cháu D, còn anh B đang nuôi dạy cháu H.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B. Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu D, chị đồng ý để cho anh B tiếp tục nuôi dạy cháu H, hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung giữa chị và anh B là không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng và đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến như sau:

Trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị G và anh B chung sống từ năm 2013, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện chửi mắng chị G. Về con chung chị G và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 14/10/2014 và cháu Nguyễn Hữu D – sinh ngày 23/6/2016, hiện chị G đang nuôi dạy cháu D, anh B đang nuôi dạy cháu H. Do chị G và anh B không có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, chung sống không có hạnh phúc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa chị G và anh B là vợ chồng, về con chung chị G tiếp tục nuôi dạy cháu D và anh B tiếp tục nuôi dạy cháu H là phù hợp, hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị G, về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa chị G và anh B là vợ chồng, về con chung giao cháu D cho chị G tiếp tục nuôi dạy, giao cháu H cho anh B tiếp tục nuôi dạy, hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2013, từ khi chung sống đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Do quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn và giải quyết về con chung.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

Về hôn nhân: Chị G và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, kể từ khi chung sống đến nay tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không đến cơ quan nhà nước

có thẩm quyền đăng ký kết hôn, nên về hôn nhân của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận vợ chồng. Do đó, yêu cầu của chị G về việc ly hôn đối với anh B, không công nhận mối quan hệ giữa anh chị là vợ chồng.

Về con chung: chị G và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 14/10/2014 và cháu Nguyễn Hữu D – sinh ngày 23/6/2016. Xét thấy, cháu H và cháu D là người chưa thành niên, từ khi ly thân đến nay chị G trực tiếp nuôi dạy cháu D và anh B trực tiếp nuôi dạy cháu H vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của các cháu đã ổn định, đồng thời cháu D hiện tại chưa được 36 tháng tuổi, nên giao cháu D cho chị G tiếp tục nuôi dạy và giao cháu H cho anh B tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Chị G và anh B không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Chị G và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu H và cháu D mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị G xác định giữa chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Chị G chịu án phí hôn nhân với số tiền 300.000 đồng, anh B không phải chịu án phí. Ngày 13/3/2017 chị G nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu D – sinh ngày 23/6/2016 cho chị Nguyễn Thị Ngọc G tiếp tục nuôi dạy. Giao cháu Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 14/10/2014 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi dạy. Chị G và anh B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị G và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu H và cháu D mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân sơ thẩm chị G phải chịu 300.000 đồng. Ngày 13/3/2017, chị G nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018454 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn B vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHTB.

Bùi Văn Việt